

## DOCUMENT RESUME

ED 136 571

FL 008 432

AUTHOR Tran Trong Phan; ~~And Others~~  
TITLE Learning Geography, Grade 2.  
INSTITUTION Ministry of Education, Saigon (South Vietnam).  
PUB DATE [65]  
NOTE 134p.; In Vietnamese; For related documents, see FL 008 432-442; Best copy available

EDRS PRICE MF-\$0.83 HC-\$7.35 Plus Postage.  
DESCRIPTORS Childrens Literature; \*Elementary Education; \*Geography Instruction; \*Indochinese; \*Instructional Materials; Reading Instruction; Reading Materials; Refugees; Textbooks; \*Vietnamese; Vocabulary

## ABSTRACT

This illustrated primer was designed for geography instruction at the second grade level in Vietnam. The fifty lessons are in the form of stories appropriate for the second grade. Each story is also designed to serve as a reading lesson. (CLK)

\*\*\*\*\*  
\* Documents acquired by ERIC include many informal unpublished \*  
\* materials not available from other sources. ERIC makes every effort \*  
\* to obtain the best copy available. Nevertheless, items of marginal \*  
\* reproducibility are often encountered and this affects the quality \*  
\* of the microfiche and hardcopy reproductions ERIC makes available \*  
\* via the ERIC Document Reproduction Service (EDRS). EDRS is not \*  
\* responsible for the quality of the original document. Reproductions \*  
\* supplied by EDRS are the best that can be made from the original. \*  
\*\*\*\*\*

ED136571

FL008432

TỦ SÁCH TIỂU HỌC

STUDENT EDITION

Geography II

Sốan-giả :

TRẦN-TRỌNG-PHAN

PHẠM-VĂN-VỆ

VĂN-CÔNG-LÂU

LƯU-VĂN-LÊ

BEST COPY AVAILABLE

LỚP TƯ

BEST COPY AVAILABLE

BEST COPY AVAILABLE

U.S. DEPARTMENT OF HEALTH,  
EDUCATION & WELFARE  
NATIONAL INSTITUTE OF  
EDUCATION

THIS DOCUMENT HAS BEEN REPRO-  
DUCED EXACTLY AS RECEIVED FROM  
THE PERSON OR ORGANIZATION ORIGIN-  
ATING IT. POINTS OF VIEW OR OPINIONS  
STATED DO NOT NECESSARILY REPRE-  
SENT OFFICIAL NATIONAL INSTITUTE OF  
EDUCATION POSITION OR POLICY

**Sọq-n-thảo và ấ-n-hành trong khuôn-khỏ  
chương-trình hợp-tác giữa bộ Quốc-gia Giáo-dục  
và Phái-bộ Kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-nam.**

**S O A N - G I A**

**Trần-trọng-Phan — Phạm-văn-Vệ — Văn-công-Lầu — Lưu-văn-Lê**

**EM HỌC**  
**ĐỊA - LÝ**  
**LỚP TƯ**

**Họa - sĩ : Quách-Phước**

**Nhạc-sĩ { Lợi-minh-Lương**  
**Văn-Trí**

4 - A

PHẦN CHỈ - NAM

HIỂN HỌC-TẬP  
**BỒN-PHÂN**  
**CÔNG-DÂN**

**LỚP BA**

SÁCH CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC  
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN  
1962

## CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA-LÝ

### Những danh-từ địa-lý

Cố tìm những dịp thuận-tiện và nhất là trong những cuộc đi chơi, tùy theo địa-phương, giáo-viên chỉ và giảng cho học-trò biết.

Đồng-bằng, ruộng, vườn, nương mạ, nghĩa-địa, điểm canh, chợ, nhà hàng, ngõ, đường đất, đường đá, đường nhựa, đường hỏa-xa, đường xe điện, nhà ga, nhà bưu-điện, đường điện-thoại.

Núi, gò, đồi, đèo, ải, thung-lũng, rừng, hầm mỏ, núi lửa.

Nước, ao, hồ, đầm, suối, lạch, sông con, sông cái, sông đào, kênh, cầu, cống, đập, bãi, bờ đê, bến thuyền.

Biển, bờ biển, bến tàu, gò đất, mũi đất, vịnh, đảo, quần đảo, bán đảo, eo biển, đèn biển.

Tập thực-hành xem phương hướng.

## Lời nói đầu

« Địa-lý là môn học quan-sát thực-tế để cho trẻ trực-tiếp với sự-vật ». Nhưng lý-tưởng giáo-khoa ấy ít khi được thực-hiện dễ-dàng và đầy-đủ hoặc vì thiếu phương-tiện, hoặc vì tánh-cách đồng-nhút của chương-trình.

Soạn quyền « EM HỌC ĐỊA-LÝ » lớp tư, chúng tôi nhằm mục-đích dung-hòa lý-tưởng giáo-khoa với hoàn-cảnh thực-tế, vừa cung-cấp một phương-tiện học-tập cho trẻ-em, vừa cống-hiến một tài-liệu giảng-dạy cho giáo-viên.

Chúng tôi trình bày quyền sách theo một lẽ-lối mới, dựa vào các nguyên-tắc sau đây :

1.— Các bài học được lồng trong một câu chuyện có mở đầu, có kết-thúc, có nhân-vật, có bối cảnh, dễ gọi hứng-thú con trẻ.

2.— Sát với trình-độ trẻ 7, 8 tuổi, về cả hai phương-diện nội-dung và hình-thức :

— Ý-tư hợp với tâm-lý, tình-cảm thơ-ấu

— Lời văn giản-dị, rõ-ràng, phản-ảnh đúng ngôn-ngữ con trẻ : câu ngắn (không quá 10 tiếng), chữ dễ (không dùng tiếng Hán-Việt, ngoại trừ những tiếng rất thông-thường).

3.— Mỗi bài học được biên-soạn như một bài tập đọc

Sách gồm 2 phần : phần học sinh và phần hướng-dẫn.

Trong phần học sinh, các đề-tài xếp theo thứ-tự diễn-tiến của câu chuyện. Bài không quá 13 câu, câu không quá 10 tiếng. Cuối bài có 1 hay 2 câu ngắn, gọn, tóm-tắt điều cần-thiết phải ghi-nhớ. Hình vẽ chiếm một phần quan-trọng quyền sách, phổ-diễn linh-dộng, vui-tươi, ý-nghĩa bài học, đồng-thời làm đề-tài giúp học-sinh, nhận-viết và suy-luận.

# MỤC-LỤC

## HIỆN HỌC-TẬP BỒN-PHẬN CÔNG-DÂN

### CHƯƠNG I

*Những điều cần biết lúc ra đường*

Bài 1.—	Chiếc áo bà-ba lành (Cách ăn-mặc lúc ra đường)	9
2.—	Trên ô-tô-buýt (Không chen-lấn lúc lên hoặc xuống xe).	12
3.—	Xin cảm-ơn ông ? (Tỏ lời cảm-ơn khi được người giúp-đỡ)	14
4.—	Giỏ trầu củe bà lão (Giúp-đỡ người già cả)	16
5.—	Xin mời bà ngồi ! (Nhường chỗ cho người già-yếu)	18
6.—	Đèn xanh, đèn đỏ (Luật đi đường : ngã tư)	21
7.—	Tiếng còi người cảnh-sát (Luật đi đường : người đi bộ)	24
8.—	Chiếc xe tang (Chào đám ma)	26
9.—	Chuyến dò ngang (Chỉ-chỉ lúc đi dò)	28
10.—	Học ôn	31

### CHƯƠNG II

*(Thực-hành các phép xã-giao)*

Bài 1.—	Bài ca vọng-cổ (Trọng giờ nghỉ-ngơi của người khác)	34
2.—	Lá thư bảo-đảm (Chỉ-chỉ khi đến công-sở)	36
3.—	Đồ-xô tìm vàng (Chỉ-chỉ nơi công-cộng : khi đến rạp hát)	38
4.—	Anh hề « Sọc-lô » (Phép xã-giao nơi công-cộng : không làm ồn trong rạp hát)	40
5.—	Nghiêm ! Chào cờ ! (Chỉ-chỉ khi chào Quốc-kỳ)	43
6.—	Lá quốc-kỳ (Ý-nghĩa quốc-kỳ)	45
7.—	«Thưa bác Hai dưng nước» (Cách chào hỏi người trên kẻ dưới)	47
8.—	Chừng nào anh đi học ? (Tình bè-bạn)	50
9.—	Học ôn	53



Về vấn đối-thoại, chúng tôi giữ thề-thức cô-điền, nghĩa là chúng tôi viết :

TÂN hỏi cha :

« Tại sao tới đây xe nào cũng ngừng hết, Ba ? »

Ông LỘC đáp :

« Mình sắp qua cầu Bến-lức, con à ! »

thay vì :

« Tại sao tới đây xe nào cũng ngừng hết, Ba ? »

TÂN hỏi Cha.

« Mình sắp qua cầu Bến-lức, con à ! » Ông LỘC đáp.  
vì chúng tôi xét như thế trẻ em để hiểu hơn.

Một bài ôn — dưới hình-thức trò chơi, tô màu, trắc-nghiệm, ca hát — kết-thúc mỗi chương.

Ngoài ra, chúng tôi cố-gắng đề bài đọc và tranh-vẽ, ý-tư và lời văn chứa đựng được tánh-cách nhân-bản, được màu sắc dân-tộc, bộc-lộ được khả-năng khai-phóng.

Trong phần hướng-dẫn — phần dành cho giáo-viên — chúng tôi giản-lược nguyên-tắc và đề-nghị cách trình-bày một bài dạy. Chúng tôi soạn một vài bài dạy làm thí-dụ. Giáo-viên có thể áp-dụng trọn-vẹn hoặc thêm bớt, sửa-chữa tùy sáng-khến, hoàn-cảnh và điều-kiện làm việc của mỗi người.

Hy-vọng quyền « EM HỌC ĐỊA-LÝ » sẽ đem lại hứng-thú mới lạ cho học-sinh trong khi học-tập, kết-quả thiết-thực cho giáo-viên trong khi giảng dạy, chúng tôi rất mong các bậc cao-minh, các bạn đồng-nghiệp vui lòng chỉ bảo cho những điều thiếu-sót mà chúng tôi tin chắc sẽ không tránh khỏi.

SOẠN-GIA

## Kính gửi Quý Bạn Đồng-nghiệp

“ EM HỌC ĐỊA-LÝ ” là quyển sách đầu-tiên trong bộ địa-lý bậc tiểu-học mà chúng tôi sẽ lần-lượt cho ra mắt Quý Bạn.

Với loạt sách này, chúng tôi hân-hạnh giới-thiệu cùng Quý Bạn một “ khóa-bản ” trình bày theo thề-thức mới, khả dĩ giúp Quý Bạn giảng dạy một cách linh-hoạt và hấp dẫn.

Biên-soạn quyển sách, chúng tôi đã dựa vào những định-luật tâm-lý qua các giai-đoạn phản-ứng của trí-óc con trẻ trước sự-vật bên ngoài :

— sự-vật bên ngoài tiếp-xúc với các giác-quan của trẻ gây nên một cảm-giác,

— cảm-giác ấy gọi cho trẻ suy-nghĩ, tìm-hiểu, ý-thức sự-vật nhờ trí-khôn,

— trẻ phản-ứng bằng lời nói hoặc bằng hành-động.

Do đó, mỗi bài học địa-lý cần được xây-dựng theo đường lối sau đây :

### CHUYÊN-BI

— Luôn luôn khởi đầu bài học bằng một câu chuyện hay bằng những câu hỏi khéo-léo gọi hứng con trẻ.

– Cho trẻ quan-sát cảnh-vật : trực-liếp với thiên-nhiên để trẻ nhận-xét hình sông, thể núi, cánh đồng bao-la, mặt biển minh-mông....

– Cho trẻ tập nghiên-cứu, ghi chép, suy-luận....

– Hướng-dẫn thảo-luận, kể chuyện, lập sơ-đồ, tập ảnh, bảng kê, mô-hình, ....

### DÙNG SÁCH

– Cho trẻ quan-sát hình vẽ, giúp trẻ tìm hiểu cử chỉ các nhân-vật trong hình.

– Cho trẻ đọc bài trong sách.

– Cho trẻ thuật lại câu chuyện trong bài.

– Hướng-dẫn thảo-luận để mở rộng phạm-vi học-hỏi (dùng cách liên-tưởng qua không-gian và thời-gian).

– Kiểm-điểm bài học.

– Kết-thúc bài học bằng một vài câu thật đơn-giản cho trẻ em dễ nhớ.

### HỢP-TÁC GIỮA GIA-ĐÌNH VÀ HỌC-DƯỜNG

Tùy trường-hợp, giáo-viên cần hợp-tác với phụ-huynh học-sinh để giúp trẻ em nhớ hoặc thực-hành những điều học-hỏi ở trường.

Trong phần phụ quyền sách này, chúng tôi có soạn vài bài hướng-dẫn theo phương-pháp kể trên để làm thí-dụ.

## Các em học-sinh thân-mến

Năm nay, các em bắt đầu học địa-lý. Các em sẽ hỏi : Địa-lý là gì ? Học địa-lý có khó không ?

Chúng tôi kể cho các em nghe câu chuyện em TÂN. Các em sẽ biết địa-lý là gì và học địa-lý khó hay dễ.

TÂN là một em bé ngoan-ngoãn, dễ thương. TÂN 8 tuổi, bằng tuổi các em và cũng học lớp tư như các em.

TÂN có một người chị tên MỸ, 12 tuổi, học lớp nhứt.

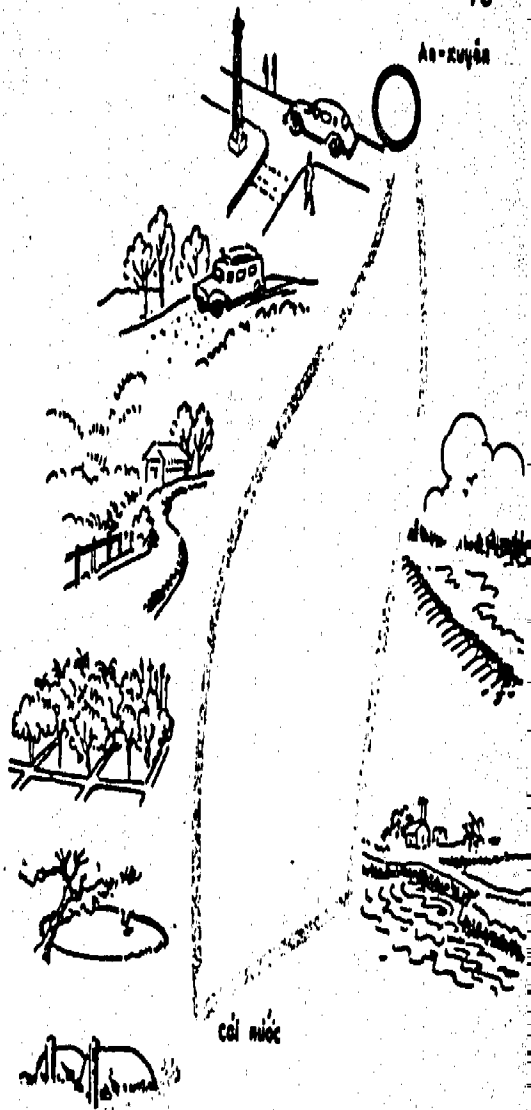
Ba TÂN là Ông LỘC, làm thợ-ký Ty Địa-chánh An-xuyên.

Và đây : Câu chuyện bắt đầu....

## CHƯƠNG I



An-Kyên



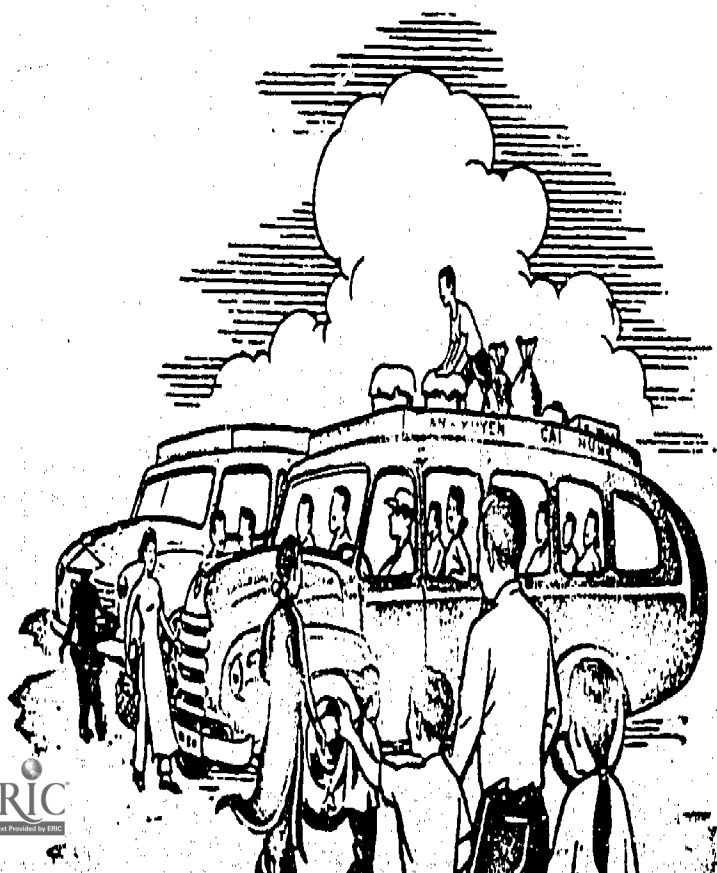
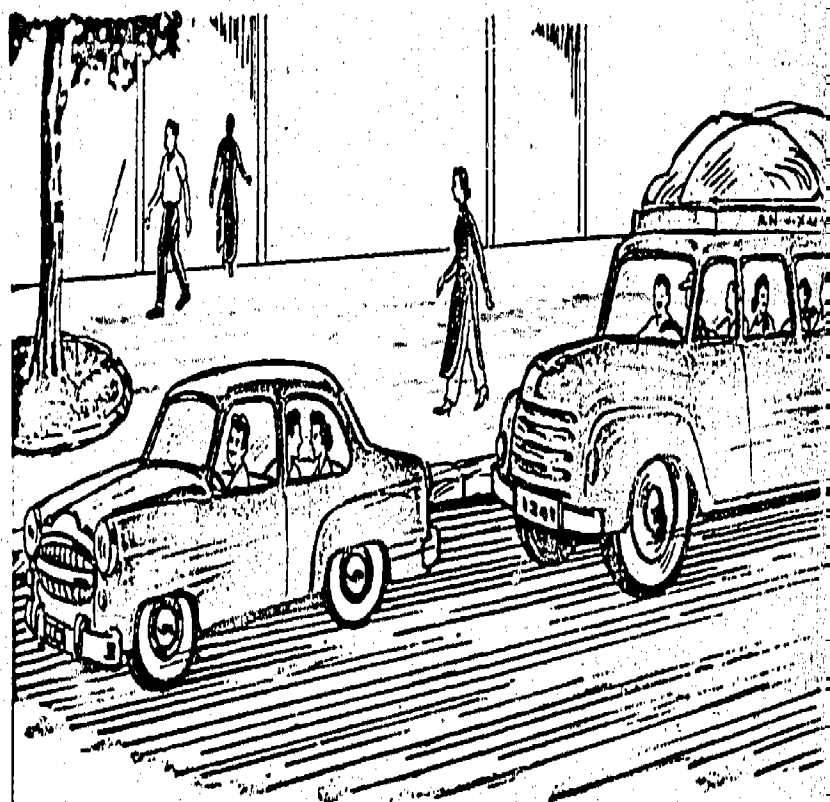
## TRÊN ĐƯỜNG VỀ QUÊ

MỸ, TÂN theo cha về làng cùng  
« Thanh-minh ».

Ra khỏi châu-thành, TÂN ngó xuống  
đường, hỏi :

" Thưa Ba, lúc nãy xe chạy êm.

" Sao bây giờ lại hơi giần ? "



Ông LỘC cười, bảo :

" Trong châu - thành, đường tráng  
nhựa bằng-phẳng.

" Xe chạy êm. Ra đây đường trải  
đá lâu năm.

" Xe chạy mới giòn như vậy."

— " Đây tới nhà Bác Hai có đường  
nhựa không, Ba ? "

— " Không ! Chỉ có đường trải  
đá thôi.

" Các đường khác trong quận  
đều vậy hết, con à ! "

**EM NHỚ :** Đường đá nối liền các làng,  
các quận trong tỉnh.

Đường nhựa nối liền các thành-  
phố lớn.

## ĐƯỜNG VÔ NHÀ BÁC HAI

Ông LỘC, MỸ, TÂN xuống xe đi bộ.

Ba cha con theo đường đất vào làng.

MỸ thở-thở : "Thưa Ba !

" Mùa mưa đường này lầy-lội lắm  
phải không Ba ? "



Ông LỘC tươi cười : " Đường này  
rộng trên một thước.

" Mặt đường nhô lên. Nước mưa  
tuôn hai bên hết.



" Khi nào mưa dầm mới có một  
hai chỗ lầy ".

Ông LỘC và hai con rẽ sang bên trái.  
TÂN ngó cha : "Thưa Ba !

" Tới đây sao đường đi hẹp và  
quanh-co quá ? "

— " Đây là một ngõ trong làng.

" Ngõ này dẫn vào nhà Bác Hai con."

EM NHỚ : Đường chật hẹp, quanh-co  
dẫn vào thôn xóm gọi là ngõ.  
Đường đất rộng hơn ngõ.



## TRẠI CANH (1)

Đi bộ một đôi, TÂN thở hồn-hồn:

"Thưa Ba, gần tới nhà Bác Hai chưa?"

"Con mới chơn rồi!"

Ông LỘC dừng bước:

"Thôi hai con vào đây ngồi nghỉ!"

— "Thưa Ba, nhà ai bỏ trống đó?"

"Chỉ có bộ vạc (2) và cái mõ vậy Ba?"

— "Trại canh chứ không phải nhà ở con à!"

"Ban đêm thanh-niên làng đến đây canh gác."

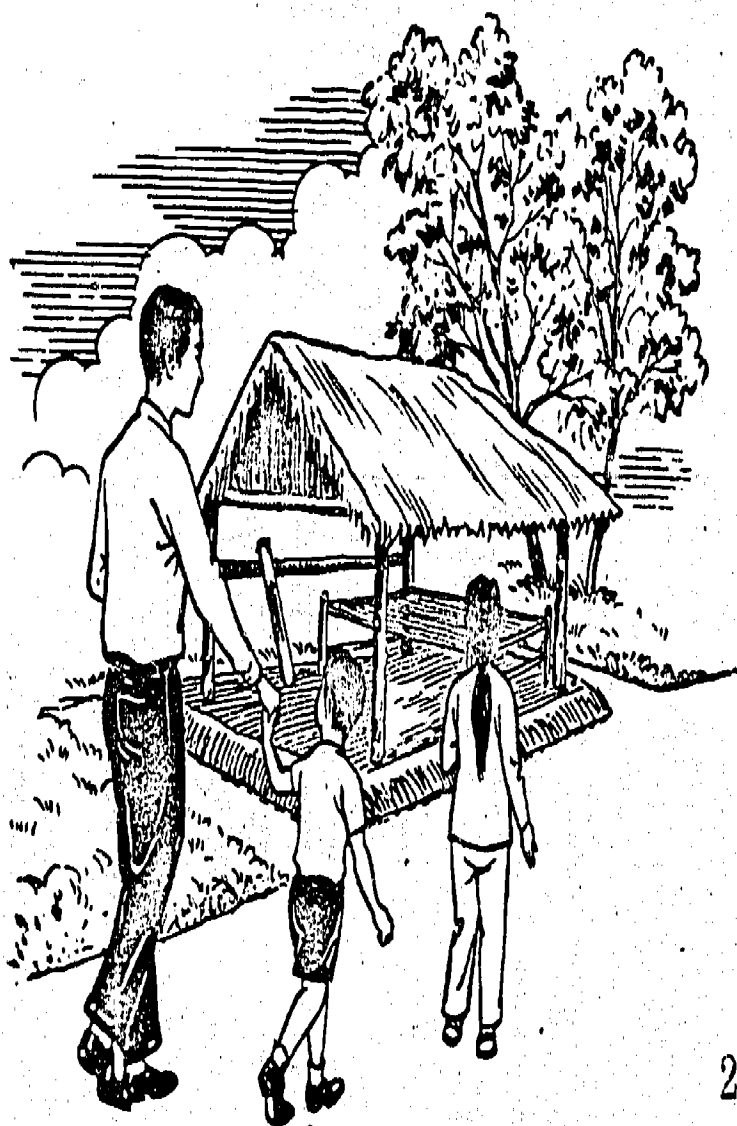
(1) Điểm canh.

(2) Giường nằm làm bằng tre hay cau chẻ ra từng miếng lồi bằng hai hay ba ngón tay.

"Có trộm cướp họ đánh mõ lên."

"Dân làng chạy đến tiếp bắt kẻ gian."

EM NHỚ: Trong làng có trại canh. Ban đêm thanh-niên thay phiên đến đó canh-gác phòng kẻ gian.





## VƯỜN BÁC HAI

Bác Hai dẫn MỸ, TÂN ra vườn chơi.

MỸ thăm-soi đám rau tươi tốt.

TÂN sung-sướng nhảy ngang mương cau.

Chúng rảo bước giữa vườn (1) cam quít.

Chúng chạy quanh liếp ổi, hàng dừa.

Chúng ngồi nghỉ dưới bóng cây xoài.

MỸ đưa mắt nhìn quanh vườn rồi dạy lại em:

"Vườn của Bác Hai cây trái nhiều quá!

"Em vào nhà nói với Ba ra xem."

EM NHỚ: Vườn là miếng đất trồng rau hay cây ăn trái.





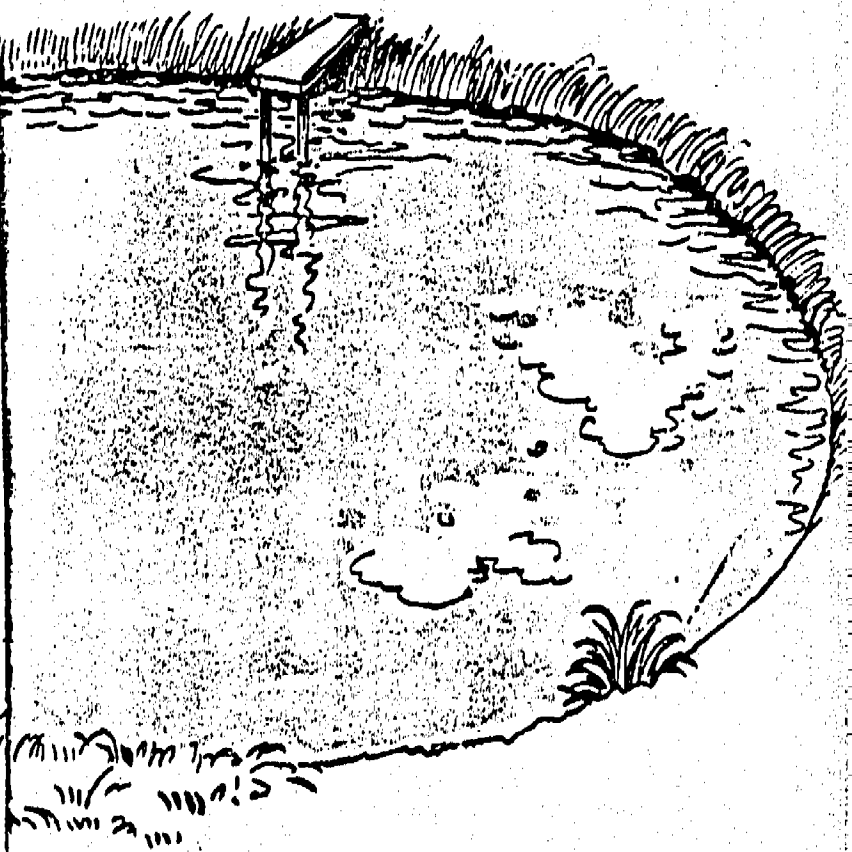
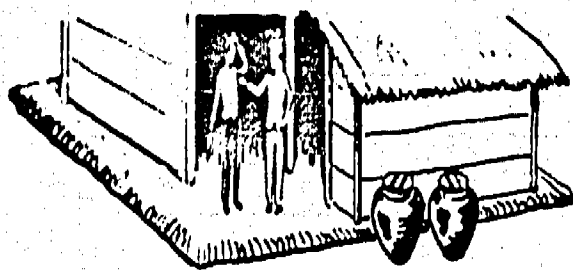
## CÂU CÁ

Vừa vô tới nhà, Bác Hai hỏi MỸ  
và TÂN :

" Hai cháu thích câu cá không ? "

TÂN vỗ tay :

" Dạ, thích lắm ! Bác cho hai cháu  
ra mương câu ! "



– " Mương vườn ít cá lắm cháu à !

" Câu cá Bác nuôi trong ao sau nhà  
Bác kìa ! "...

TÂN lấy cần câu đầy mấy khóm bèo :

" Ao cũng giống như vũng há chị  
Hai ? "

MỸ móc mồi thả xuống nước rồi ngó  
TÂN :

— " Nước đọng mấy chỗ đất thấp  
thành vũng."

" Còn ao thì do người ta đào để  
chứa nước."

" Ao rộng và sâu hơn vũng nhiều."

" Chung-quanh ao có đắp bờ để ngăn  
nước dơ. "

**EM NHỚ :** Người ta đào ao để chứa  
nước tắm, giặt hoặc để  
nuôi cá.

## VIẾNG MỘ

MỸ, TÂN lăng-xăng chạy trước.

Bác Hai và Ông LỘC lững-thững  
theo sau.

Bỗng TÂN đứng lại :

" Thưa bác Hai, tại sao ở đây nhiều  
mả quá ?

" Mà lại đông người như vậy ? "

Bác Hai bước lại vỗ đầu TÂN :

" Ở đây là nghĩa-địa

" Hôm nay là ngày lễ Thanh-minh...

" Cháu không thấy người ta cúng mả  
đó sao ? "

Đi một đôi, bác Hai ngừng lại :

" Mộ Ông nội đây, hai cháu ! "

Mọi người kính-cần cúi đầu.

Rồi, bác Hai lấy đèn nhang thắp  
cúng.

**EM NHỚ :** Nghĩa-địa là khu đất để chôn  
người chết.

Nghĩa-địa còn gọi là nghĩa-  
trang, đất thánh tha ma.



## BỜ ĐẬP

Ông LỘC, MỸ, TÂN nằm trong mui.

Bỗng người lái đò lên tiếng :

" Thưa Ông, tới Bờ Đập (1) rồi ! "

Ông LỘC bước ra : " Chú ghé tại  
đập đi. "

TÂN theo sau : " Thưa Ba, đập ra  
sao Ba ? "

Ông LỘC chỉ cái đập : " Đó ! Đập  
đó con ! "

" Ở đây mùa mưa nước theo rạch  
tuôn ra sông.

(1) BỜ ĐẬP, tên một xóm trong làng Tân-  
hung-Đồng tỉnh An-Xuyên.

" Ruộng phía trong cao không có đủ nước để cày cấy.

" Người ta đắp đập để giữ nước lại trong ruộng.



" Đập này cũng ngăn không cho nước mặn vào ruộng. "

– " Thưa Ba, chỗ nước chảy mạnh đập chịu sao nổi ? "

– " Người ta xây đập đá, nước mới không phá được. "

EM NHỚ : Đập để ngăn và giữ nước.



## Ý! CÁI ĐẬP NÀY LÙNG

TÂN đứng trên đập nhìn xuống :

" Ý! Cái đập này lùng mấy chỗ  
Ba à !



" Nước chảy ra ò ò kia kia ! "

Ông LỘC bật cười : " Đó là những  
miệng cống.

" Không phải lỗ nước xoi đâu con ! "

– " Thưa Ba, người ta làm cống chỉ  
vậy Ba ? "

– " Người ta xây cống để xả bớt  
nước ra. "

– " Thưa Ba, cống làm bằng gì ? "

– " Cống làm bằng xi-măng

" Có khi người ta xây cống bằng  
gạch. "

MỸ xen vô :

" Thưa Ba,

Ở ngoài  
chợ cũng có  
cống vậy ! "



— “ Ừ ! Cổng ở thành-thị, dẫn nước ra sông.

**EM NHỚ :** Người ta đúc cổng bằng xi-măng hay xây bằng gạch.

Ở thành-thị cổng dẫn nước ra sông.

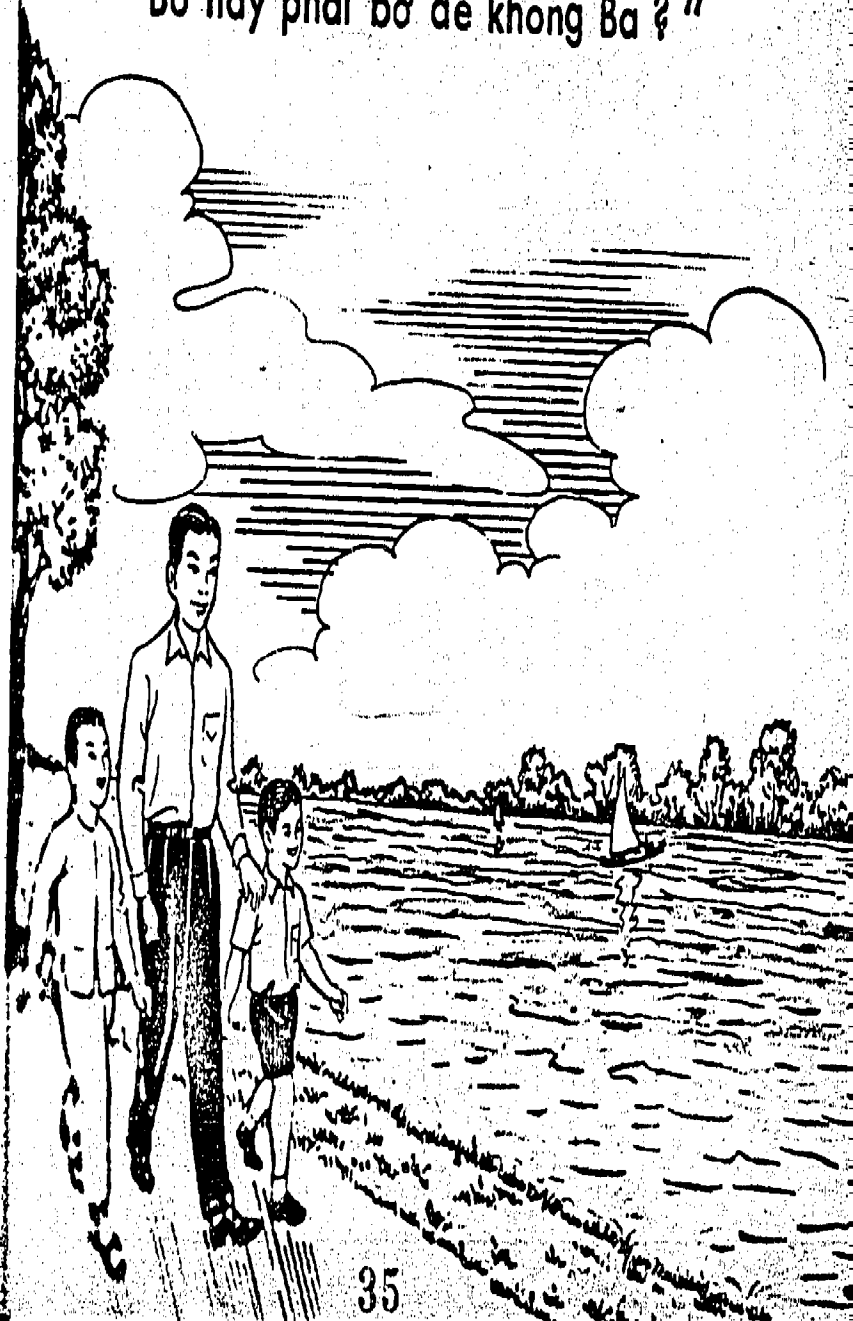
Ở thôn-quê cổng dề cho nước ra vào ruộng.

## ĐÊ ĐỂ LÀM GÌ ?

Ông LỘC, MỸ, TÂN đi trên bờ sông  
Bảy Háp (I)

MỸ hỏi cha : “ Thưa Ba,

“ Bờ này phải bờ đê không Ba ? ”



Ông LỘC đáp : " Không phải đâu con ! "

TÂN vọt miệng : " Bờ đê ra sao ba ? "

— " Đê cũng đắp dọc theo sông, tương-tợ bờ này. "

" Nhưng đê rộng lớn hơn. "

— " Đê dẽ làm gì Ba ? "

— " Đê ngăn nước sông tràn vào ruộng. "

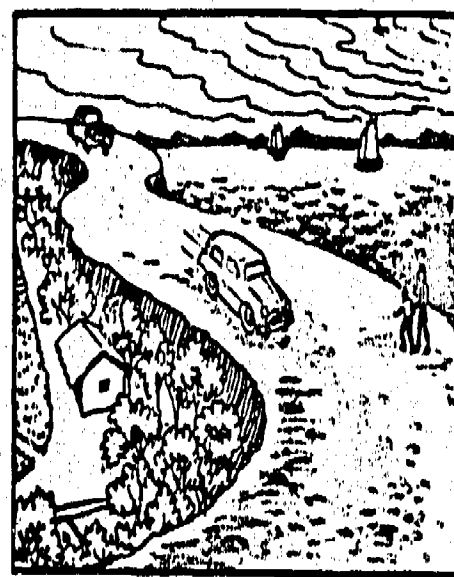
" Trong Nam không có đê, ngoài Bắc mới có ! "

MỸ nhớ ra : " Đê Hồng-hà (2) lớn lắm hả Ba ? "

— Phải ! Mùa mưa, nước sông này dung cao, chảy mạnh. "

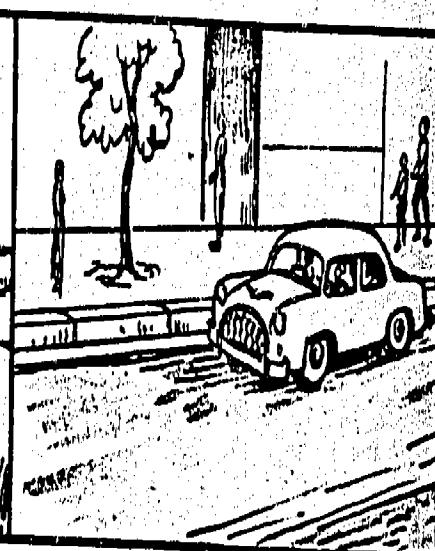
(1) BẦY HÁP : tên một con sông ở Đồng Cà-Mau.

(2) HỒNG-HÀ : tên con sông lớn nhất ở Bắc-Phần.



EM NHỚ : Đê là bờ đắp dọc sông dẽ ngăn nước tràn vào ruộng.



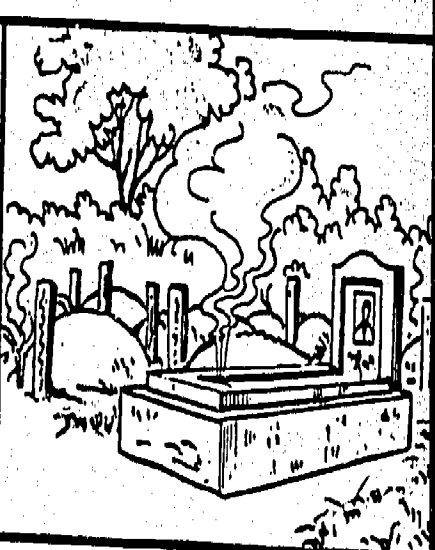
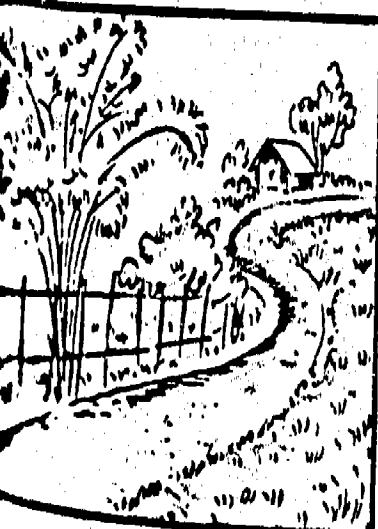
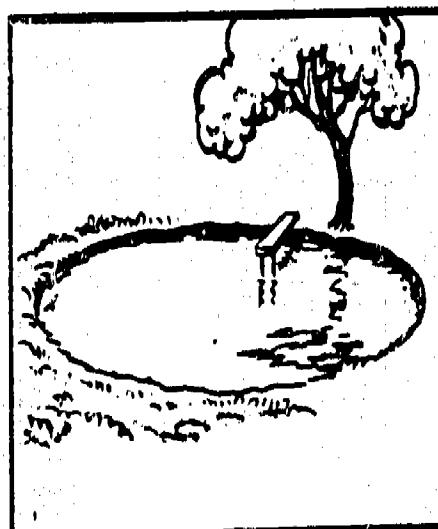


.....

.....

.....

.....



.....

.....

.....

.....

Viết dưới mỗi hình danh từ địa lý thích hợp

Viết dưới mỗi hình danh từ địa lý thích hợp

Bài 1 : Ruộng.

## THĂM RUỘNG

MỸ, TÂN theo cha về quê ngoại.

Đò tới Thạnh-phú, MỸ thỏ-thẻ :

" Thưa Ba, đất Ba mới mua ở chỗ nào Ba ? "

Ông LỘC chỉ về phía trước : " Kìa, tới rồi con ! "

Ông ra đàu (1) cho đò ghé lại.

MỸ, TÂN nắm tay chạy tung-tăng trên bờ cái.

Hai bên bờ : kẻ bừa, người cày.

Kẻ phát, người cào cỏ.

Xa xa, năm ba người đang đập bờ.

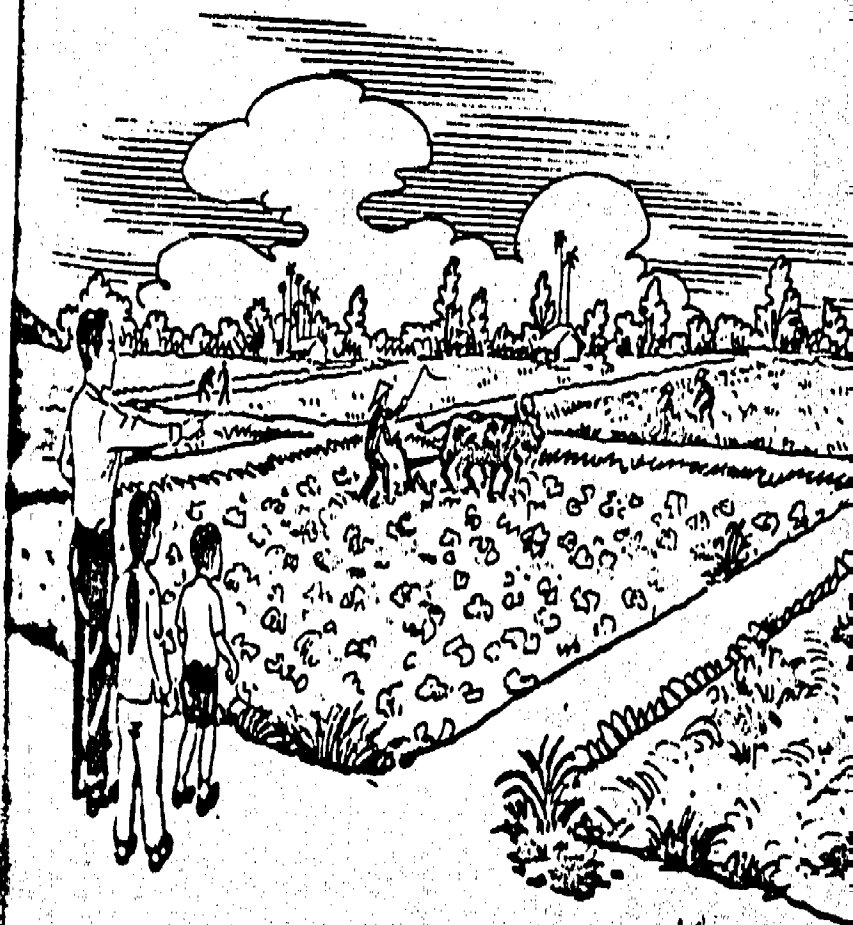
Ông chỉ cho hai con :

(1) Ra hiệu

" Ruộng của mình chạy từ bờ mới đập đến đây.

" Người ta đang dọn đất để cấy lúa đó con ! "

EM NHỚ : Ruộng là thửa đất nơi đó người ta cấy lúa.



## ĐỒNG CÀ-MAU

Ông LỘC, MỸ, TÂN đứng lại nhìn về  
phía trước :

Những vuông ruộng liền nhau đến  
tận chơn trời.

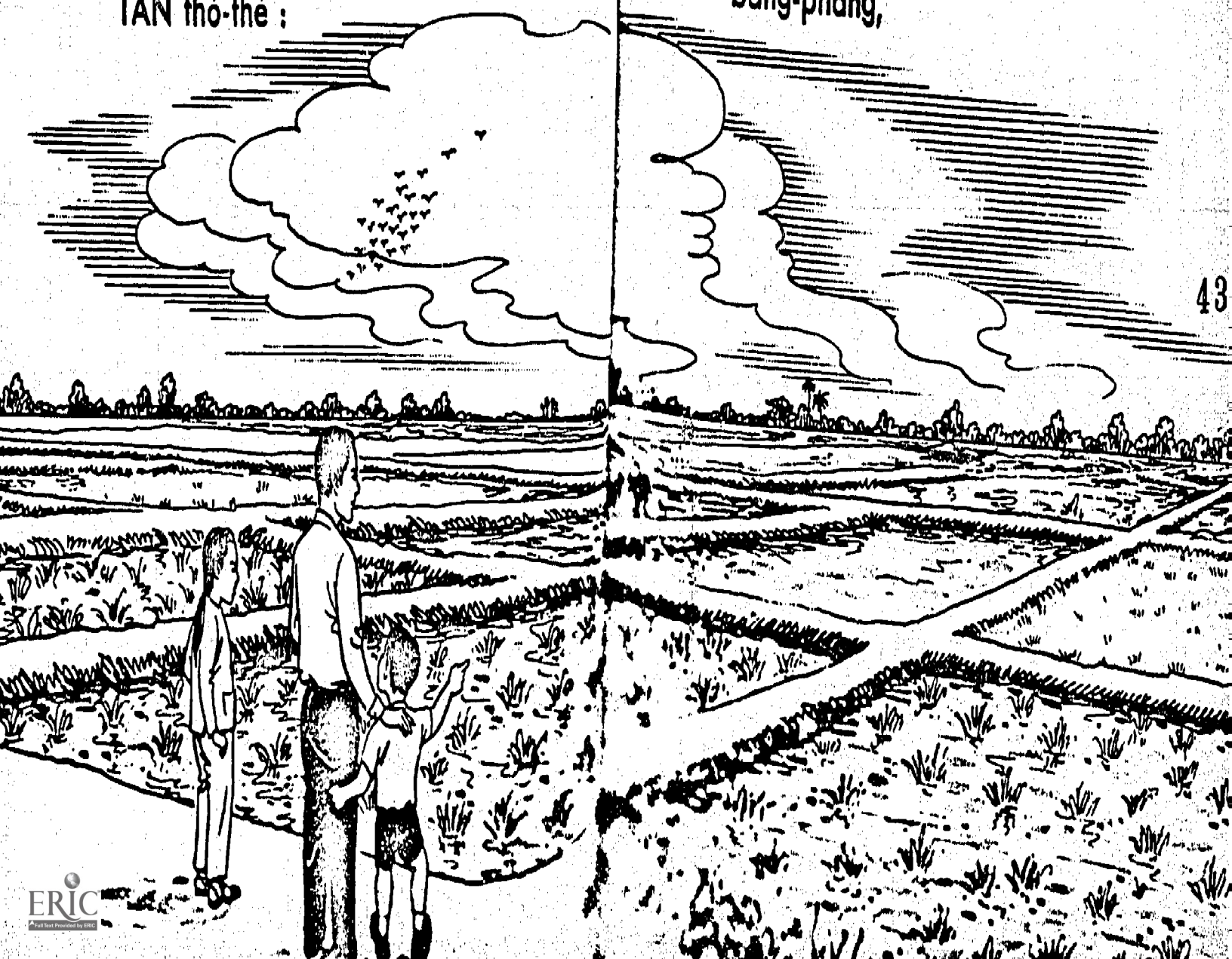
TÂN thỏ-thẻ :

" Thưa Ba, đằng kia phải ruộng không  
Ba ?

" Chỗ có trâu đứng đó ? "

Ông LỘC gật đầu : " Phải ! Chỗ nào  
cũng là ruộng !.

" Xa quá nên mình chỉ thấy một vùng  
bằng-phẳng,



" Người ta gọi chung cả vùng này là  
đồng-bằng. "

MỸ xen vào :

" Ở đây phải là Đồng Cà-mau không  
Ba ? "

— " Phải ! Đây là Đồng Cà-mau ! "

EM NHỚ : Đồng-bằng là miền đất bằng-  
phẳng, rộng mênh-mông,  
( mênh - mông ) có nhiều  
ruộng lúa.

## ĐÁM CỎ NON

Ông LỘC vui-vẻ nói chuyện với một  
nông-dân.

TÂN níu tay MỸ : " Chị Hai ơi !

" Đàng kia có đám cỏ non.

" Phải gần nhà, mình nhỏ cho dễ ăn  
thích quá ! "





Chú nông-dân bật cười : " Đám mạ  
của chú mà !

" Không phải cỏ non đâu cháu ! "

TÂN ngơ-ngẩn nhìn cha. Ông LỘC  
dẫn giải :

" Mạ là cây lúa non con à !

" Đám mạ là ruộng đẻ gieo mạ.

" Đám mạ con gọi là nương mạ.

" Người ta thường gieo mạ ở những  
ruộng cao. "

EM NHỚ : Đám mạ hay nương mạ là  
một ruộng đẻ gieo  
mạ.

## " RẠCH RẬP " (I)

Chiếc đò dọc xuôi dòng nước, tiến  
nhANH.

Ông LỘC, MỸ, TÂN, đứng trước mũi  
đò.



Hai bên bờ cây - cối, vườn - tược  
xanh - um.

MỸ, tay chỉ về phía trước :

" Thưa Ba, sông này sao hẹp và  
quanh - co quá ? "

Ông LỘC vỗ nhẹ đầu con :

" Đây là rạch chứ không phải sông  
con à !

" Rạch là một dòng nước nhỏ.

" Rạch chảy qua đồng ruộng, vườn -  
tược.

" Con rạch này tên là Rạch Rập."

EM NHỚ : Dòng nước nhỏ chảy qua  
đồng ruộng gọi là rạch.

(1) RẠCH RẬP : tên một con rạch ở Đồng  
Cà-Mau (gần chợ An-Xuyên)

## "MƯỜNG - LỘ" (1)

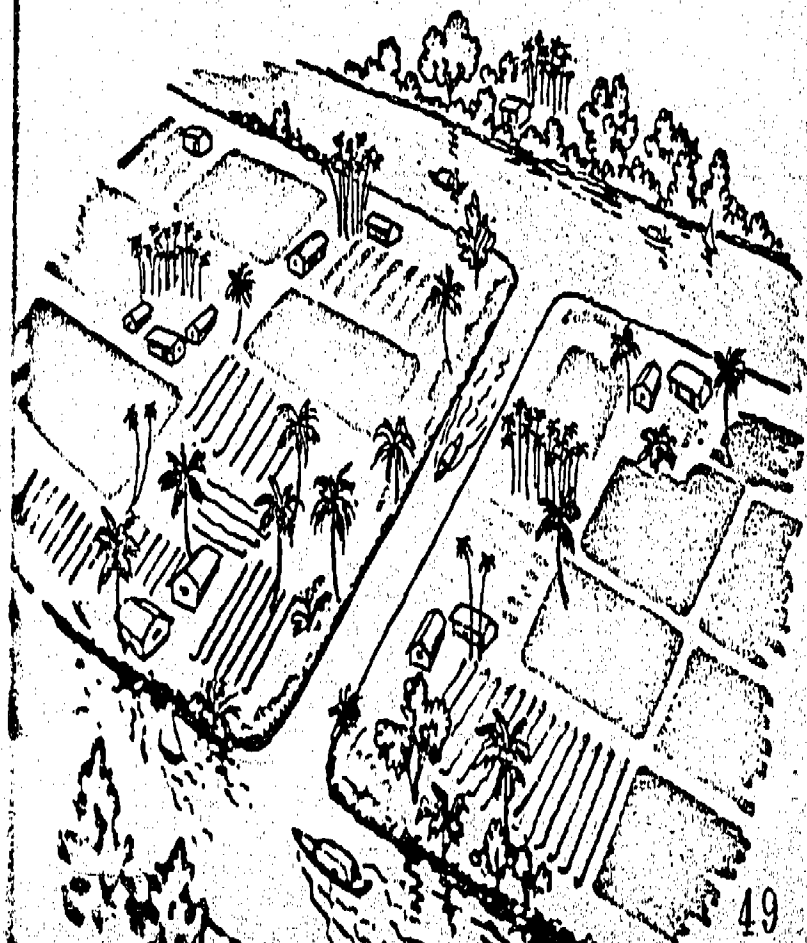
MỸ, TÂN ngồi tại mũi đò nhìn lên bờ.

Ông LỘC nằm nghỉ trong mui. Bỗng

TÂN reo lên :

" Thưa Ba, tới đây rạch ngay và  
rộng quá ! "

Người lái đò vừa đẩy mạnh mái  
chèo, vừa cười :



" Tới Mương-Lộ rồi cháu à ! "

Ông LỘC trong mui bước ra.

TÂN nhìn cha như muốn hỏi tiếp.

Ông LỘC hiểu ý dẫn giải :

" Đây là con sông do người đào ;

" Không phải rạch con à !

" Sông đào này tên Mương-Lộ.

" Nó nối liền Sông Bảy-Háp và  
Sông Cửa-Lớn (2). "

**EM NHỚ:** Sông đào (3) là sông do người  
đào ra.

(1) MƯƠNG-LỘ : tên con sông đào dọc theo  
lộ Cà-mau — Năm-Căn.

(2) CỬA-LỚN : tên con sông ở đồng Cà-Mau.

(3) Sông đào : có nơi người ta gọi sông đào  
là kinh.

## PHẢI SÔNG ĐÀO KHÔNG, BA ?

Sông đào " Mương-Lộ ", nước ròng  
chảy xiết.

Chiếc đò được trón càng đi mau.

MỸ, TÂN chăm-chú nhìn cảnh-vật trên  
bờ sông.

Từ cánh đồng phía trái một dòng  
nước đổ ra.



TÂN dạy lại : " Thưa Ba,

" Đường nước chảy đó phải là sông  
đào không ? "

Ông LỘC gật đầu :

" Đó cũng là một con sông đào.

" Nhưng hẹp và cạn nên người ta  
gọi là kinh.

" Con kinh đó tháo nước trong  
ruộng ra.

" Có chỗ kinh cũng dẫn nước vô  
ruộng. "

**EM NHỚ :** Người ta đào kinh để dẫn  
nước vô ruộng hay tháo  
nước trong ruộng ra.

" ĐÀM BÀ TƯỜNG " (1)

Ông LỘC, MỸ, TÂN đang ngon giấc.

Thình-lình chiếc ghe lắc-lư.

Ông LỘC cùng hai con bước ra  
nhìn quanh.

Người lái đò gác chèo, vói lấy  
sào chống :

" Thưa Ông, tới đầm rồi ! " Ông LỘC  
vui-vẻ khen :





" Anh lái chèo giỏi quá ! " TÂN tò-mò :

" Thưa Ba, đầm là gì ? " — " Đầm là vùng đất thấp.

" Đầm rộng lớn, có nước sâu, ở giữa đồng. "

Người lái đò ra vẻ thông-thạo :

" Đầm này kêu là Đầm Bà Tường, rộng lắm !

" Ghe đi từ đầu đến cuối, phải mất cả giờ. "

**EM NHỚ :** Đầm là một vùng đất thấp, rộng lớn, có nước sâu, ở giữa đồng.

(1) ĐÀM BÀ TƯỜNG : tên một cái đầm trong Đồng Cà-mau.

## " MŨI ÔNG LỘC "

Đò đang đi, ông LỘC chỉ về phía trước :

" Anh lái đò có biết " Mũi " đó tên gì không ? "



Người lái đò ngừng chèo :

" Thưa Ông, mũi đó tên là Mũi Ông Lục. "

TÂN hỏi nhỏ cha : " Thưa Ba, mũi là gì Ba ? "

Ông LỘC chỉ Mũi Ông Lục, dẫn giải :

" Đó ! Chỗ đất lồi nhọn đâm ra mặt nước là mũi. "

MỸ đứng suy-nghĩ, rồi như trực nhớ :

" Dạ, gần tới Mũi Cà-mau chưa Ba ? "

Người lái đò xen vào : " Ý ! Còn xa lắm ! "

" Ghe đi cầu cả buổi nữa mới tới ! "

**EM NHỚ :** Phần đất lồi nhọn đâm ra sông hay biển là mũi đất.



## " DOI MẮM "

Ông LỘC và hai con đứng xem phong-cảnh :

Mắm, bần, dừa nước chen-chúc hai bên bờ đầm.

MỸ sốt ruột :

" Thưa Ba, gần tới nhà Ông ngoại chưa ? "

Ông LỘC đáp : " Qua khỏi doi này thì tới. "



TÂN ngơ-ngẩn : "Thưa Ba, doi chỗ nào Ba ?"

Ông LỘC chỉ vào bờ : "Doi đó, con thấy chưa ?"

TÂN nhận xét :

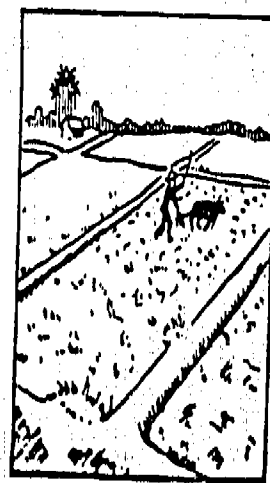
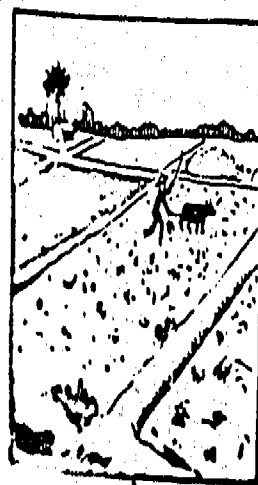
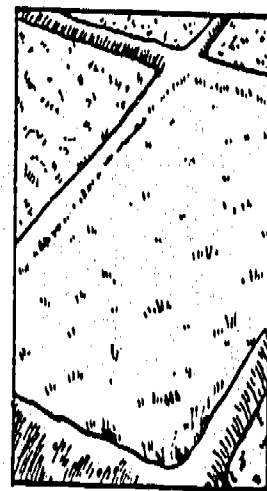
"Doi đất cũng như mũi đất phải không Ba ?"

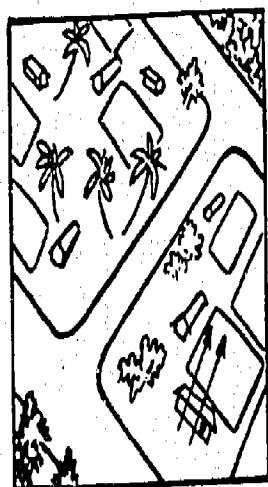
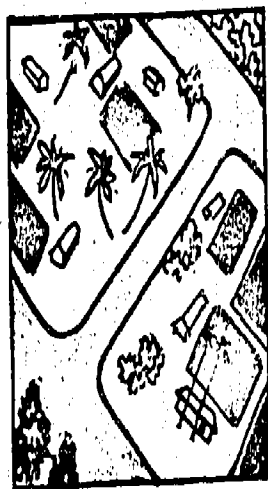
— "Phải ! Nhưng doi rộng hơn và đầu không nhọn."

"Doi này tên là Doi Mắm."

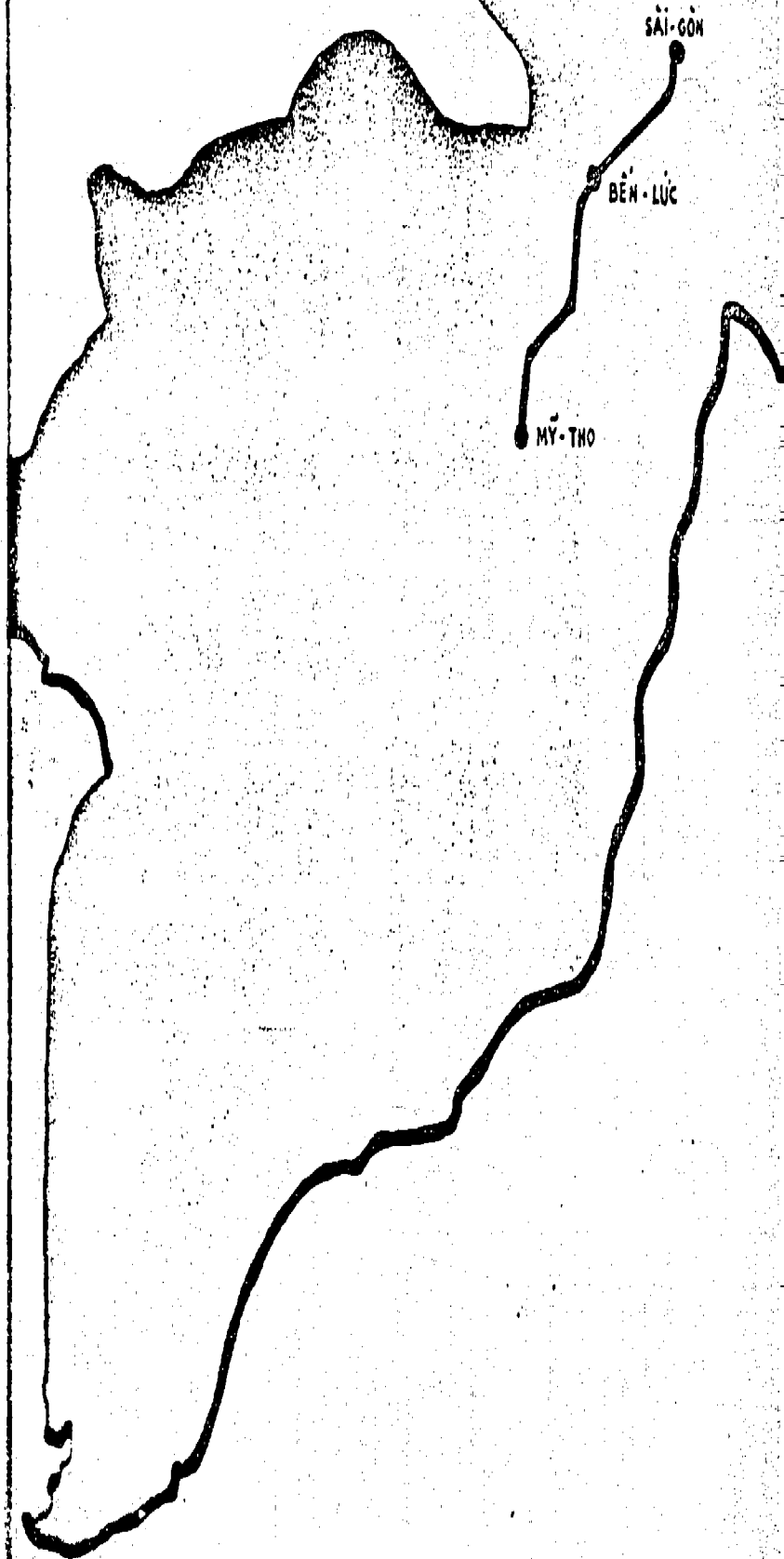
"Nhà Ông ngoại con cách Doi Mắm độ ngàn thước."

**EM NHỚ :** Doi đất cũng giống như mũi đất, nhưng rộng hơn và đầu không nhọn.





### CHƯƠNG III



Dùng viết chì màu tô hình bên một

## BẾN THUYỀN MỸ-THO

Xe hơi vừa tới bến Định-tường. (1)

TÂN hỏi cha :

" Thưa Ba, mình ghé đây để làm chi vậy ? "

Ông LỘC đáp : " Ghé thăm Cậu con.

" Cậu chở ghe than lên đây bán mấy hôm nay. "

Ông LỘC và hai con đi về phía Chợ Cũ (2) ....



TÂN thấy hàng trăm chiếc ghe đậu ở bờ sông :

Ghe buồm, ghe chài, tam bản, đồ máy v.v...

Bên cạnh cầu bến có neo nhiều chiếc đồ máy.

Hành-khách lên xuống không dứt.

TÂN nhìn xuống sông, hỏi :

" Chỗ này là chỗ gì Ba ? "

Ông LỘC tươi cười :

" Chỗ này là bến thuyền Mỹ-tho.

" Kìa ! Chiếc ghe than của Cậu con đậu kìa ! "

EM NHỚ : Bến thuyền là nơi ghe tàu ghé buôn bán và rước hành-khách.

(1) ĐỊNH-TƯỜNG : tên một tỉnh ở miền Nam (tên cũ Mỹ-tho).

(2) CHỢ CŨ : tên một chợ ở Định-tường.



## QUA CẦU BẾN-LỨC (1)

Xe đồ rời (2) Định-tường, tiến về Sài-gòn.

Độ một giờ sau, xe ngừng lại.  
TÂN hỏi cha :

" Tại sao tới đây xe nào cũng ngừng hết, Ba ? "

Ông LỘC âu-yếm nhìn con, đáp :

" Mình sắp qua cầu Bến-lức, con à !

" Xe ngừng lại cho đoàn xe bên kia qua trước. "

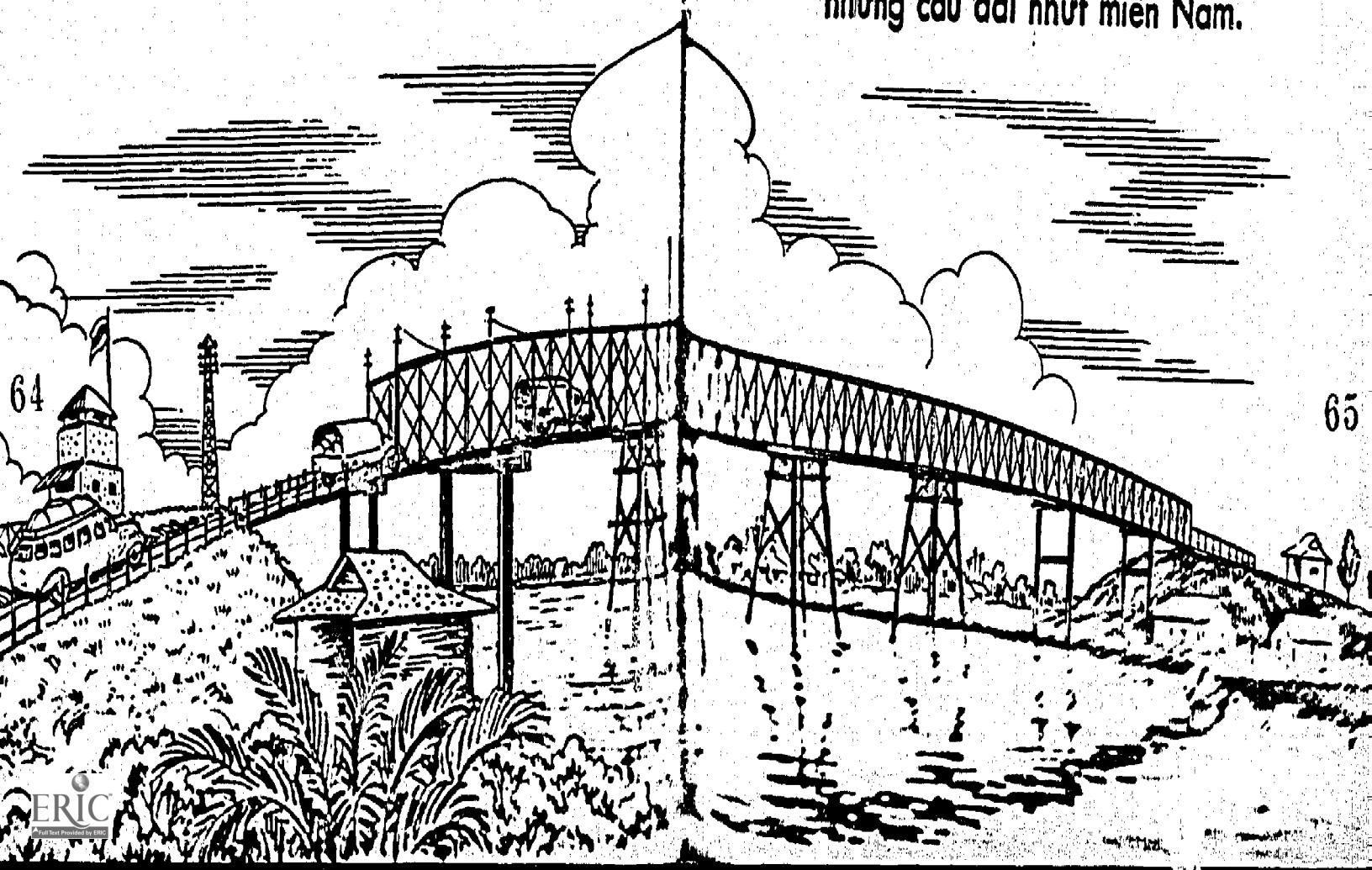
— " Cầu này hẹp lắm sao Ba ? "

— " Chỉ vừa cho một xe lớn qua ! "....

Khi xe lên cầu, TÂN trầm-trò :

" Cầu dài quá hả Chị Hai ? "

MỸ gật đầu: " Ừ ! Nó là một trong những cầu dài nhất miền Nam.



" Nó bắc qua Sông Vàm-cỏ-đông." (3)

EM NHỚ : Cầu bắc qua sông rạch cho  
người ta đi hoặc xe chạy.

- (1) BẾN-LỨC : tên một quận trong tỉnh Long-an.  
(2) tách khỏi (chính tả thông dụng miền Nam).  
(3) VÀM-CỎ-ĐÔNG : tên con sông ở Nam-  
Phân Việt-Nam.

## CHỢ SÀI-GÒN

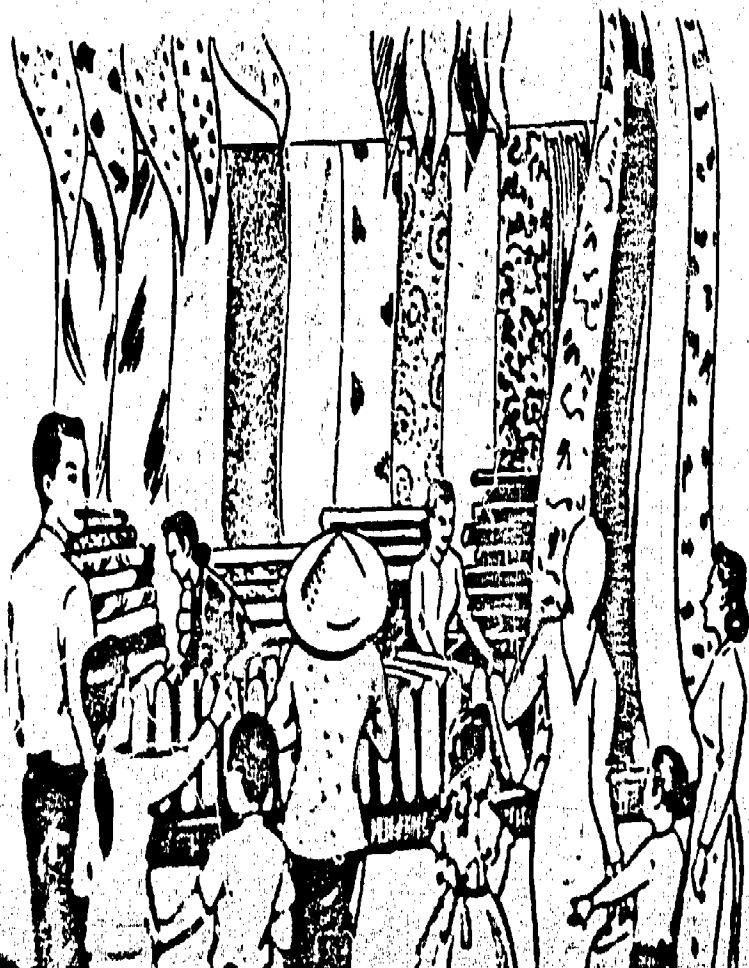
Tới Sài-gòn ....

Ông LỘC, MỸ, TÂN ở nhà chủ tư Quý.

Hôm nay, Ông dẫn hai con đi  
viếng chợ.

Người buôn kẻ bán tấp-nập ồn-ào.

Vào hàng cá, TÂN vội níu tay cha,  
cản-nhân :



" Chỗ này tanh quá ! Thôi đi chỗ khác Ba ! "

Đến hàng vải, MỸ chỉ cho em :

" Hàng vải đủ màu sắc kìa em ! "

Được qua hàng trái cây, TÂN gọi Chị :

" Chị Hai ơi ! Xoài chín đỏ ngon ghê ! "

Ra khỏi chợ,  
Ông LỘC nói :

" Chợ này bán đủ thứ đồ dùng, thấy không con ? "

MỸ đáp ngay :

" Dạ thấy ! Nhứt là hàng vải đẹp lắm ! "

**EM NHỚ :** Người ta hội-hợp tại chợ để mua bán thức ăn và hàng-hóa.



## NHÀ HÀNG

Ra tới đường Lê-Lợi, (1) TÂN liền hỏi :

" Đường này đông người quá hả Ba ? "

Ông LỘC vui-vẻ đáp :

" Họ đi mua hay xem bán hàng con à ! "

" Ở đây toàn là tiệm buôn. (2) "

" Người ta bán thuốc tây, sách vở, quần áo. "

" Cũng có nhà hàng bán tơ lụa, giày nón nữa. "





Chỉ bằng hiệu của một tiệm buôn,  
Ông LỘC tiếp :

" Đây là nhà hàng tạp-hóa.

" Hai con vào đây Ba mua áo  
lạnh cho !

" Mai mình sẽ đi Đà-lạt. "

Trong tiệm bước ra, TÂN chỉ nhà  
hàng giải-khát :

" Thưa Ba ! Mình vào đó uống nước  
cam, Ba ! "

**EM NHỚ :** *Tại thành-thị có nhiều cửa  
tiệm lớn gọi là nhà hàng.*

(1) ĐƯỜNG LÊ-LỢI : tên một con đường ở  
Sài-gòn.

(2) TIỆM BUÔN : gian nhà bán hàng-hoá.

## CHỜ BA MUA CÒ ĐÃ !

Vừa xuống xe, TÂN ngo-ngác, hỏi :

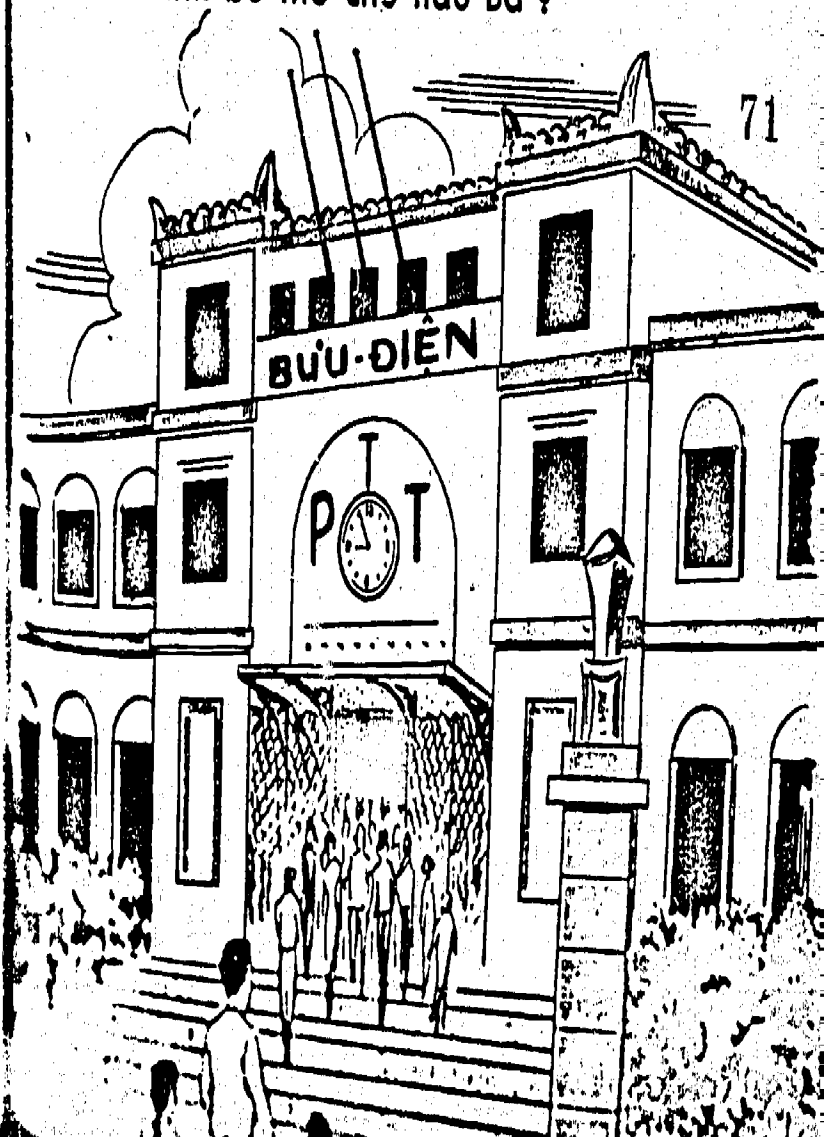
" Mình lại đây chi vậy, Ba ? "

Ông LỘC đáp : " Lại gửi thư về cho  
má con.

" Đây là Nhé Bưu-diện Sài-gòn ! "

Vào trong MỸ hỏi cha :

" Mình bỏ thư chỗ nào Ba ? "



— “ Bỏ trong thùng trước mặt con kia !

“ Nhưng khoan ! Chờ Ba mua cò đã ! ”

Xong, ông dắt các con đến từ phòng,  
dẫn giải :

“ Chỗ này gửi tiền, gửi thư không  
sợ mất (1)

“ Chỗ kia, lãnh tiền, đánh dây  
thép. ” (2)

Ra về, TÂN nắm tay chị, bảo nhỏ :

“ Chắc ngày mai mẹ được thư  
mình hả chị ? ”

**EM NHỚ :** Nhà bưu-điện bán cò dán thư,  
nhận gửi tiền, gửi thư bảo-  
đảm, gửi điện-lín.

(1) thư bảo-đảm.

(2) Điện tín

“ A-LÔ ! A-LÔ ! ”

Ông LỘC đến thăm người bạn chủ  
hãng dệt.

Sau một hồi chuyện-văn, ông chủ  
hãng mời :

“ Anh và hai cháu ở dùng cơm với tôi.

“ Sẵn đây nói đây, Anh cho Anh  
Quý hay đi ! ”

Nhận lời, Ông LỘC gọi : “ A-lô !  
A-lô ! ” ...



TÂN đứng trố mắt nhìn cha.

Ông chủ hăng đặt ống nghe vào tai TÂN.

TÂN reo mừng : " Chị Hai ơi, ngộ quá !

" Chú Tư ở xa mà nói chuyện nghe thật rõ ! "

Ông LỘC vừa chỉ vừa dẫn giải :

" Nhờ đường dây điện-thoại này,

" Tiếng nói của Chú được đến tai con. "



**EM NHỚ :** Hai người cách xa nhau, có thể nói chuyện bằng điện-thoại.

ÁY LÀ ĐƯỜNG XE ĐIỆN CON À !

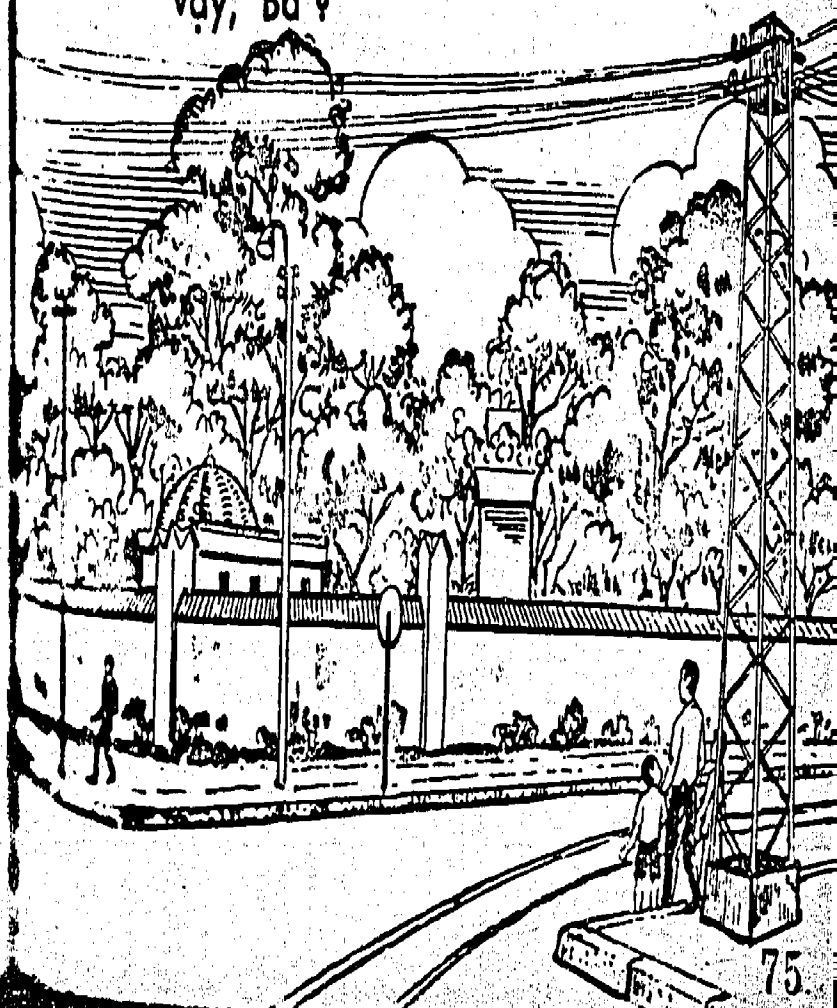
Ông LỘC, MỸ, TÂN đi trên đường

" Hai Bà Trưng. "

TÂN thấy hai thanh sắt dài nằm sát đất.

TÂN chạy qua cha, hỏi :

" Ai chôn sắt dài theo đường chỉ vậy, Ba ? "

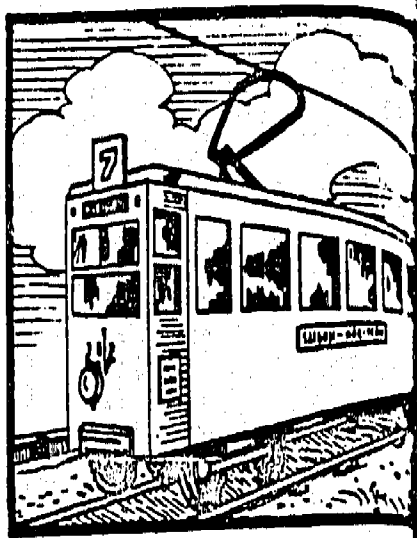


Ông LỘC cười :

" Ấy là đường  
xe điện con à ! "

MỸ xen vào :

" Con đã học  
và biết rồi, Ba.



" Tại lớp học con có treo hình  
xe điện. "

TÂN hỏi tiếp :

" Sao đường xe điện không chạy tới  
tỉnh mình, Ba ? "

— " Đường xe điện thường đặt trong  
thành-phố lớn.

" Xe điện chỉ chạy các khoảng đường  
gần, con à ! "

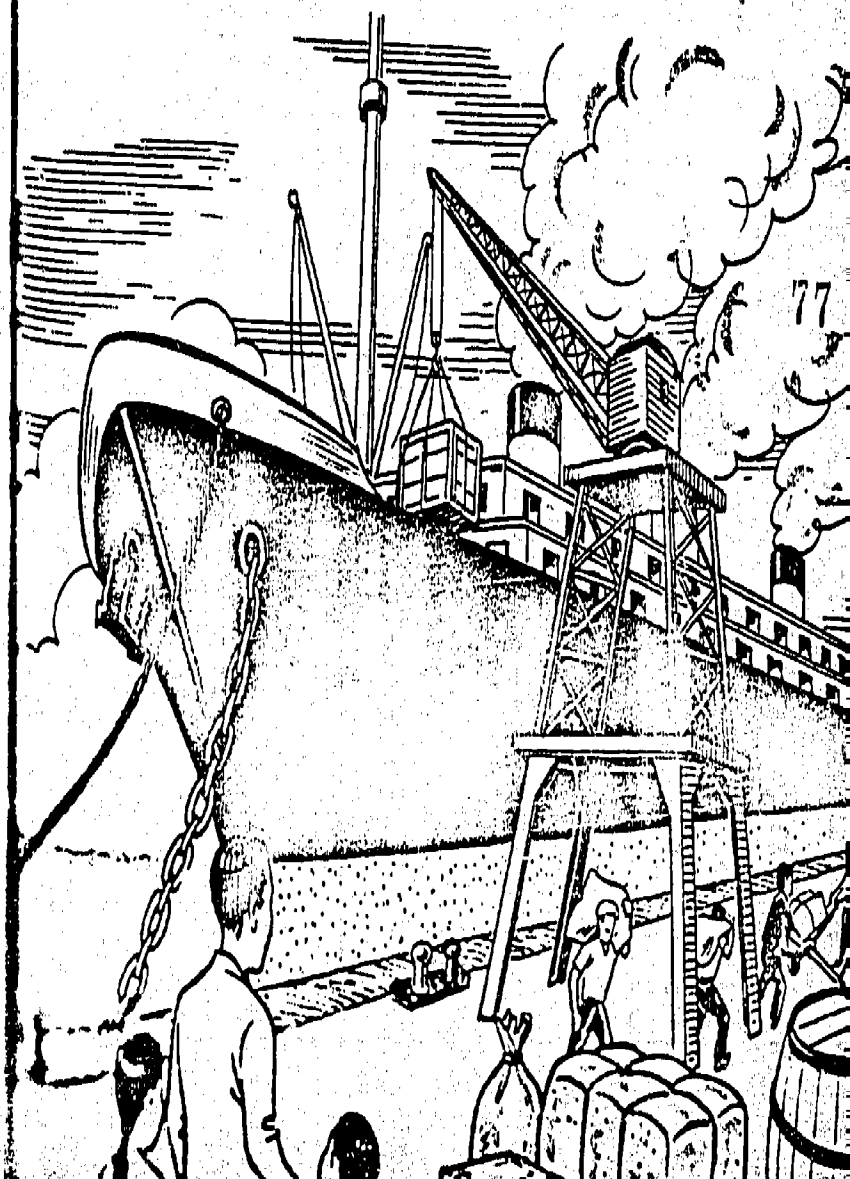
EM NHỚ : Đường xe điện thường đặt  
trong thành-phố lớn.

## CẦN TRỤC NGỘ QUÁ !

Ông LỘC dẫn hai con xuống bến tàu.

Dọc bờ sông, mấy chiếc tàu lớn đang  
nhả khói.

TÂN nắm tay cha, hỏi : " Tàu gì lớn  
quá, Ba ? "



Ông LỘC ôn-tồn : " Tàu chạy đường  
biển, con à !

" Nó chở hành-khách và hàng-hoá. "

Thấy trực máy kéo hàng, MỸ kêu TÂN :

" Em coi kìa ! Cần trực ngộ quá !

" Máy thùng lớn vậy mà nó kéo  
lên nổi ! "

TÂN hỏi tiếp : " Thưa Ba !

" Máy người đó vác thùng, đẩy xe  
đi đâu vậy ? "

Ông LỘC vừa chỉ kho hàng vừa đáp :

" Họ đem hàng vào kho đó con à ! "

EM NHỚ : Bến tàu là nơi tàu đậu dề  
lên xuống hàng-hoá và đưa  
đón hành-khách

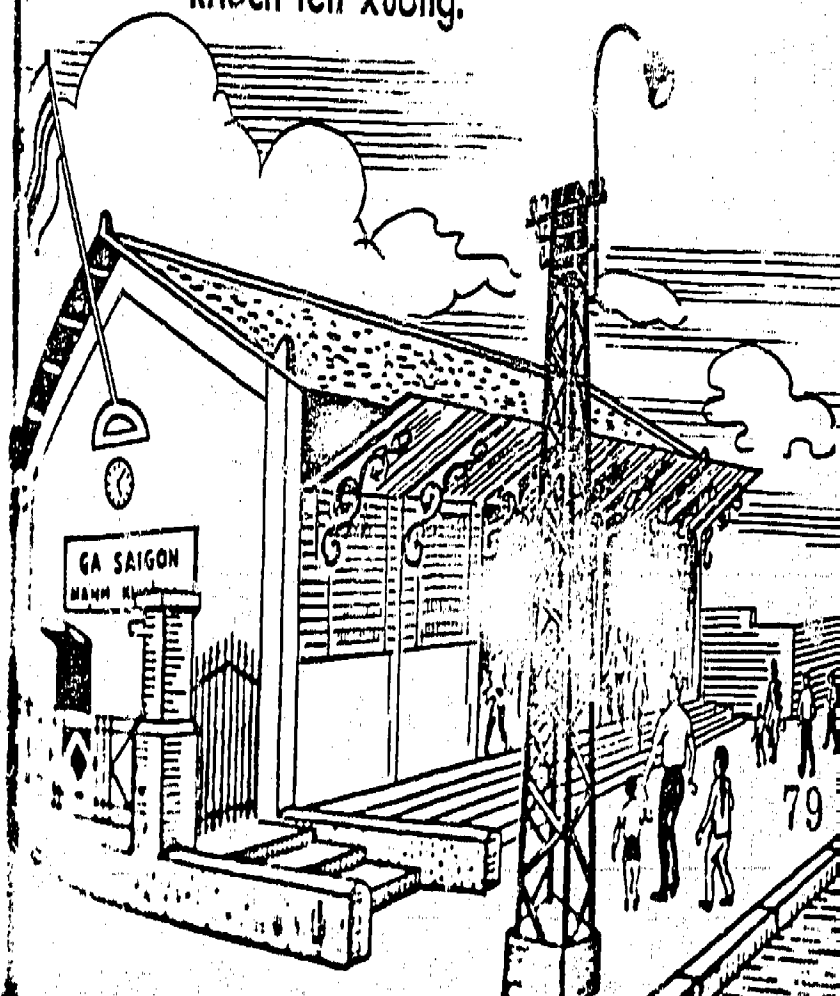
## CHUYẾN XE LỬA ĐÀ-LẠT

Vừa lên tắc-xi, Ông LỘC bảo tài-xế :

" Anh đưa chúng tôi đến Nhà ga  
Sài-gòn. "

TÂN liền hỏi cha : " Nhà ga là  
gì, Ba ? "

— " Là nơi xe lửa đậu cho hành-  
khách lên xuống. "





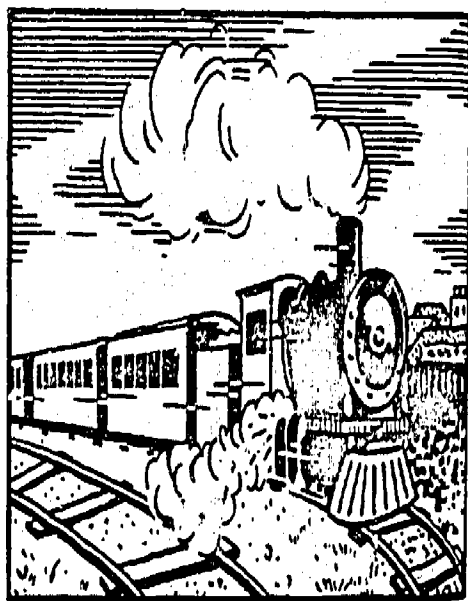
Đến nơi, Ông LỘC chỉ cho hai con :  
 " Nhà ga đây con. Kia là phòng  
 bán vé.

" Bên cạnh là nơi cân hàng. " ...

Ra sân ga, TÂN buột miệng : " Xe  
 lửa dài quá ! "

" Ừ, xe lửa  
 dài vì có  
 nhiều toa.

" Nó chở  
 được nhiều  
 hành - khách  
 và hàng - hoá  
 Mỹ xen vào :



" Đường xe lửa này đi tới đâu, Ba ? "

— " Đi Đà-lạt, Nha-trang, Huế,  
 Hà-nội. "

**EM NHỚ :** Xe lửa đậu tại ga cho hành-khách lên xuống

Đường xe lửa tiện-lợi : Xe lửa chở nhiều  
 hành-khách và hàng-hoá.

## BÀI ÔN

Chọn tiếng đúng nghĩa trong các chữ in màu  
 gạch bỏ những tiếng thừa.

1. — Nơi người ta hội-hợp để mua bán  
 thức ăn là : nhà hàng, chợ,  
 nhà máy.

2. — Tiệm buôn lớn gọi là : nhà ga,  
 nhà bán-bán, nhà hàng.

3. — Muốn mua cò (l) dán thức, em  
 đến : nhà bán-điện, bến thuyền,  
 chợ.

4. — Hai người cách xa có thể nói với  
 nhau bằng : đường xe lửa,  
 điện-thoại, đường xe điện.

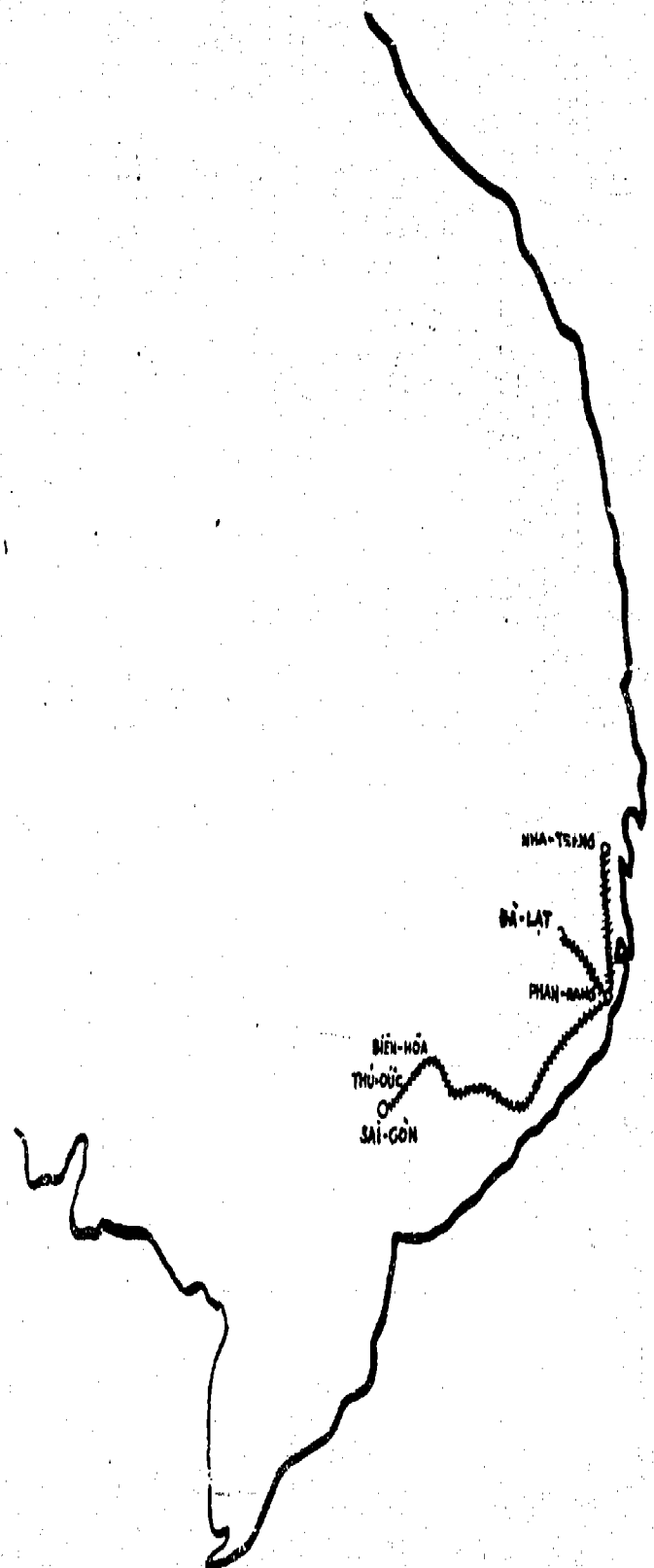
(l) Tam



- 5.- Nơi tàu đậu để lên xuống hàng-hoá và đưa đón hành-khách là :  
bến thuyền, nhà ga, bến tàu.
- 6.- Muốn đi xe lửa (1) , em đến :  
nhà ga, bến tàu, chợ.
- 7.- Nơi ghe thuyền đậu buôn bán và  
đưa đón hành-khách là : nhà  
bưu-điện, chợ, bến thuyền.
- 8.- Xe cộ sang sông phải đi qua :  
nhà ga, cầu, đường xe điện.

(1) Xe hỏa

## CHƯƠNG IV



## MẢ CỦA AI VẬY CHỊ HAI ?

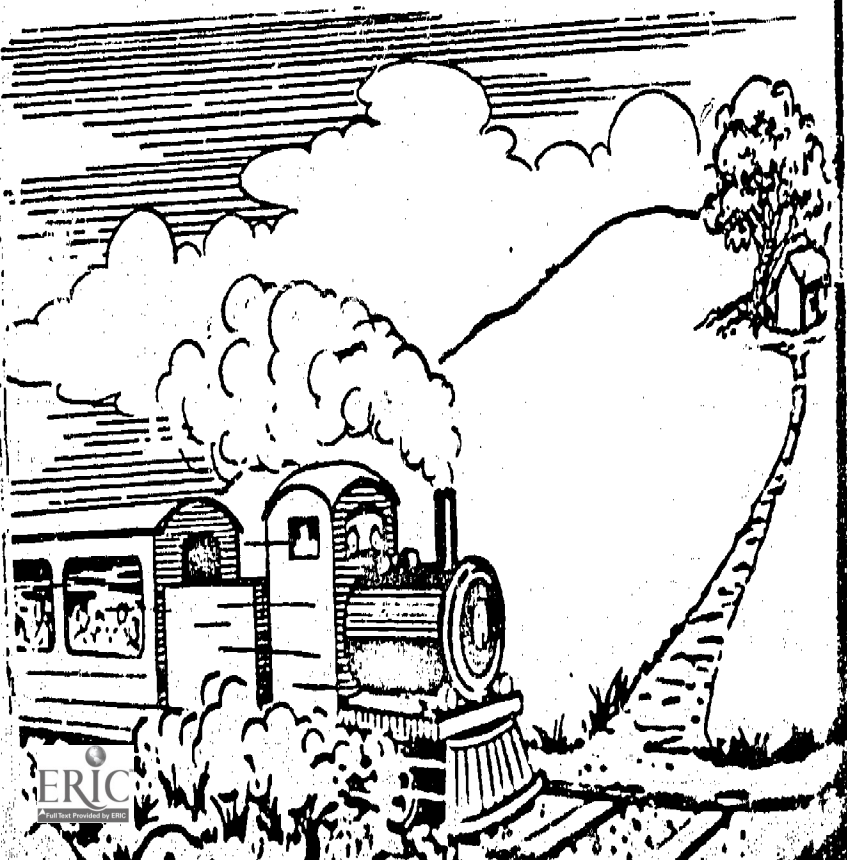
Xe lửa qua khỏi Thủ-đức.

MỸ chăm-chú nhìn cảnh-vật hai bên  
đường.

Bỗng TÂN chỉ những mô đất cao,  
hỏi chị :

" Mả của ai mà lớn vậy Chị Hai ? "

MỸ bật cười, đáp : " Đâu phải  
mả nà ! "



Ông LỘC cũng cười, xen vào :

" Không phải mả đâu con ! Đó là  
những gò đất.

" Ở dưới mình, đất bằng-phẳng.

" Còn ở miền này thì khác !

" Giữa đồng thường có những mô  
đất nổi lên.

" Người ta gọi những mô đất ấy  
là gò. "

TÂN nói tiếp : " Cái gò đằng kia  
lớn quá Ba ! "

— " Gò lớn và cao thì gọi là đồi,  
con à ! "

EM NHỚ : Gò là những mô đất nổi lên  
giữa đồng.

Đồi là gò lớn và cao.

## Á ! NÚI NGỘ QUÁ !

Đoàn xe lướt nhanh trên đường sắt.

Phong-cảnh lần lần đổi khác.

Mỹ vụt đứng lên, gọi em :

"Coi kìa, TÂN ! Núi cao ghê !"

TÂN ngó ra, hỏi :



"Đâu, đâu ? Á, núi ngộ quá, Chị Hai há !"

Rồi, day qua cha : "Thưa Ba, núi kìa, Ba !"

"Núi cao lớn hơn đồi nữa, hả Ba ?"

Ông LỘC gật đầu, vui-vẻ đáp :

"Phải, núi cao lớn lắm !"

"Có núi cao lớn gấp ngàn lần nhà của chúng ta."

"Có núi có đường ăn thông xuống ruột trái đất."

"Núi này có thể phun ra lửa."

"Người ta gọi là núi lửa."



TA NHỚ : Núi cao và lớn hơn đồi.

Núi lửa có thể phun ra lửa.

# THƯA BA, THAN ĐÁ LẤY Ở ĐÂU ?

Đoàn xe chuyên bánh, rời ga, toà  
khói mịt-mù.

TÂN vừa giụi mắt vừa căn-nhãn :

"Xe gì phun bụi quá ! " Ông LỘC  
ôn-tồn nói :

"Ừ ! Xe chạy bằng than đá nên  
bụi lắm. "

— "Thưa Ba, than đá là than gì ? "

— "Than đá là thứ than lấy ở dưới  
đất. "

— "Làm sao  
lấy than dưới  
đất được Ba ? "

"Muốn lấy than,  
người ta đào hầm.



"Thợ xuống hầm  
dùng "cúp", hoặc  
máy khoan lấy  
than

Hầm ấy gọi là  
hầm mỏ than "



MỸ góp ý :

Cũng có hầm mỏ sắt, đồng, chì nữa  
hả ba ?

**EM NHỚ :** Hầm mỏ là nơi lấy than đá,  
sắt, đồng, chì.

## CẮM ĐỐT LỬA

Bên đường, thỉnh-thoảng, có bảng đề:  
" Cắm đốt lửa ".

TÂN lấy làm lạ hỏi cha :

" Tại sao người ta dựng mấy bảng  
đó, Ba ? "

Ông LỘC ngạc-nhiên : " Bảng gì  
đâu con ? "



— " Bảng cấm đốt lửa kia Ba ! "

— " À, đây là khu rừng, con à ! "

" Con thấy cây mọc chen-chúc,  
um-tùm đó không ? "

" Rừng rất có ích-lợi.

" Rừng cho ta gỗ làm nhà, đóng  
bàn ghế.... "

" Người ta sợ cháy rừng nên cấm  
đốt lửa. "

**EM NHỚ :** Rừng là khu đất rộng có nhiều  
cây mọc chen-chúc, rậm-rạp.